

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-PT
Ngày 29-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Thẩm phán: ông Hoàng Văn Tiến, bà Hoàng Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thanh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: ông An Viết Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 30/2020/TLPT-HS ngày 01/10/2020 do có kháng cáo của các bị cáo Phan Đức C, Phan Đức C1, Phan Đức X đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Đức C, sinh ngày 13/02/1989, tại huyện VX, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn Tân Sơn, xã MT, huyện VX, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn D, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Phan Thị H, sinh năm 1964; có vợ là Phan Thị X1, sinh năm 1982; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo C bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Phan Đức C1, sinh ngày 24/01/1997, tại huyện VX, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn Tân Sơn, xã MT, huyện VX, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn P1, sinh năm 1974 và bà Tẩn Thị D1, sinh năm 1976; có vợ là Cháng Thị Đ1, sinh năm 1998; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo C1 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Phan Đức X, sinh ngày 13/9/1992, tại huyện VX, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn Tân Sơn, xã MT, huyện VX, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Sào C2, sinh năm 1964 và bà Tân Thị N1, sinh năm 1964; có vợ là Lý Thị L1, sinh năm 1989; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo X bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 16/4/2020 Phan Đức C nảy sinh ý định đi lên rừng đặc dụng Phong Quang thuộc thôn Tân Sơn, xã MT cắt xẻ gỗ trai về làm nhà nên gọi điện thoại cho Phan Đức C1, Phan Đức X cùng đi cắt xẻ gỗ C1 và X đồng ý. Khi đi C mang theo 01 chai xăng, 01 chai dầu, 01 dũa cưa, 01 chòong, 01 thước dây, 01 dao quắm, 01 lam, 01 xích (tất cả vật dụng này C cho vào 01 ba lô màu xanh đeo trên lưng) và cầm theo 01 máy cưa. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày cả 03 người phát hiện 02 cây gỗ trai thuộc lô 6, Khoảnh 13, tiểu khu 117, rừng đặc dụng Phong Quang (01 cây phần thân cây đã bị khô, 01 cây lá còn xanh tươi), cả 03 người quyết định cắt hạ 02 cây gỗ này. Sau đó C và C1 lắp lam xích, đổ xăng dầu vào máy cưa rồi C1 cầm cưa cắt vào cây gỗ thứ nhất khoảng 15 phút thì cây đổ, sau khi cây đổ C1 cắt 01 đoạn khoảng 0,80m thì thấy phần lõi của cây bị mục, C cầm máy cưa đến vị trí cây gỗ trai thứ 02 rồi cắt cây, cắt được một lúc thì C1 vào cắt thay, hai người cắt khoảng 15 phút thì cây đổ. Sau khi cây gỗ thứ 02 đổ thì X cắt 01 đoạn khoảng 0,50m thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Tại biên bản xác định khối lượng, số lượng, chủng loại lâm sản của Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Phong Quang kết luận: 02 cây gỗ trai (nhóm IIA) có khối lượng 7,104m³. Trong đó cây thứ 01 có khối lượng 3,35 m³, cây thứ 02 có khối lượng 3,754 m³.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 20/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện VX, kết luận: 02 cây gỗ trai nhóm IIA có tổng khối lượng 7,104 m³ có giá trị là 71.040.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phan Đức C, Phan Đức C1, Phan Đức X phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Đức C 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Xử phạt bị cáo Phan Đức C1 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Xử phạt bị cáo Phan Đức X 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Trong thời hạn luật định ngày 26/8/2020, các bị cáo Phan Đức C, Phan Đức C1, Phan Đức X có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm các bị cáo X, C có giao nộp thêm các tài liệu, chứng cứ sau:

Bị cáo Phan Đức X giao nộp Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến của ông Phan Sao C2, bà Tần Thị N1 (là bố, mẹ bị cáo) của Bộ Tư lệnh Quân khu 2, Giấy chứng nhận kỷ niệm chương cựu chiến binh ông Phan Sèo C1 của Ban chấp hành trung ương Hội cựu chiến binh Việt Nam.

Bị cáo Phan Đức C giao nộp Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến của ông Phan Văn D1, bà Phan Thị H (là bố, mẹ bị cáo) của Bộ Tư lệnh Quân khu 2.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Phan Đức C, Phan Đức C1, Phan Đức X giữ nguyên các nội dung, yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo xác nhận vào ngày 16/4/2020, C, C1, X đã có hành vi khai thác trái phép lâm sản là 02 cây gỗ trại (nhóm IIA) có khối lượng 7,104m³ (cây thứ 01 có khối lượng 3,35 m³, cây thứ 02 có khối lượng 3,754 m³) có giá trị đã được xác định là 71.040.000 đồng thuộc lô 6, Khoảnh 13, tiểu khu 117, rừng đặc dụng Phong Quang. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi khai thác trái phép lâm sản của các bị cáo như đã nêu ở trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: các bị cáo Phan Đức C, Phan Đức C1, Phan Đức X có các tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường (9.000.000 đồng) cho Ban quản lý rừng đặc

dụng Phong Quang để khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, là hộ cận nghèo sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt 36 tháng tù đối với bị cáo C và mức hình phạt 30 tháng tù đối với bị cáo X và C1 là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[5] Đối với bị cáo C1: quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa bị cáo không đưa ra được thêm tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[6] Đối với bị cáo C, X: quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo Phan Đức X giao nộp Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến của ông Phan Sao C2, bà Tần Thị N1 (là bố, mẹ của bị cáo) của Bộ Tư lệnh Quân khu 2, Giấy chứng nhận kỷ niệm chương cựu chiến binh ông Phan Sèo C2 của Ban Chấp hành Trung ương Hội cựu chiến binh Việt Nam; bị cáo Phan Đức C giao nộp Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến của ông Phan Văn D1, bà Phan Thị H (là bố, mẹ của bị cáo) của Bộ Tư lệnh Quân khu 2. Đây là các tài liệu, chứng cứ mới thể hiện thân nhân của bị cáo C, X là người có công, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo C và X.

[7] Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, gây nguy hại cho môi trường và xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên việc áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội với một thời hạn thích hợp là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục, răn đe người phạm tội và làm gương cho người khác. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo.

[8] Từ các nhận định, phân tích tại các mục [4], [5], [6], [7] nêu trên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo C, X; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo C1.

[9] Về án phí: các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của tỉnh Hà Giang (*theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II và khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020*), các bị cáo có đơn xin miễn án phí. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên phần quyết định về hình phạt tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang đối với bị cáo Phàn Đức C1.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Phàn Đức C, Phàn Đức X dụng sửa bản án hình sự sơ thẩm số 34/2020/HS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện VX, tỉnh Hà Giang về phần hình phạt đối với các bị cáo C, X.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 232, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Phàn Đức C, Phàn Đức C1, Phàn Đức X phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phàn Đức C 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo C đi chấp hành án phạt tù.

Xử phạt bị cáo Phàn Đức C1 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo C1 đi chấp hành án phạt tù.

Xử phạt bị cáo Phàn Đức X 28 (hai mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo X đi chấp hành án phạt tù.

3. Về án phí: người kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện VX;
- Chi cục THADS huyện VX;
- Công an huyện VX;
- CQTHA Hình sự CA huyện VX;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường